

Bản án số: 220/2020/HS-PT

Ngày: 14 - 5 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 56/2020/TLPT-HS ngày 31 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Trịnh Thị N và các bị cáo do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2019/HS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1/ **Trịnh Thị N**, sinh ngày 03/7/2000 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Tổ X8, phường X2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông không rõ, con bà Trịnh Thị L; Hiện cư trú tại: Tổ X8, phường X2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/12/2018 đến ngày 07/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

2/ **Chu Đình Đ** (*tên khác Đ1*), sinh năm 1992 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm X4, thôn X3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Đình B (chết), con bà Phạm Thị M, Hiện cư trú tại: Xóm X4, thôn X3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/12/2018 đến ngày 08/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

3/ **Phan Thành N1**, sinh năm 1968 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT và cư trú: 341/4 T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn K (đã chết), con bà Trần Thị Kim H, Hiện cư trú tại: 344/6 T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vợ Võ Thị Bạch T1 (đã ly hôn); con: Có 01 con (đã chết);

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10-12-2018 đến ngày 10-01-2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “*cấm đi khỏi nơi cư trú*” (có mặt).

(Trong vụ án còn có 05 bị cáo Trần Quang H, Lê Hoàng Anh T2, Nguyễn Vũ V, Lê Đăng Q, Hầu Phương D và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 06-12-2018, bị hại anh Nguyễn Đức T3 mượn xe mô tô biển số 49V6-1639 của bà Vũ Thị H3 và đi đến nhà bị cáo Trần Quang H (*số 101A/24 Nguyễn Văn Cừ, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng*) để gặp bị cáo H. Tại thời điểm này trong nhà bị cáo H có các bị cáo Lê Đăng Q, bị cáo Lê Hoàng Anh T2, bị cáo Trịnh Thị N. Khi vào trong nhà bị cáo H bị hại anh T3 ngồi tại phòng khách cùng với bị cáo T2, bị cáo Q.

Do bị cáo H nghi ngờ bị hại và người một người tên Lộc (*bạn của anh T3 hiện chưa xác định được lai lịch*) có quan hệ tình cảm với bị cáo N (*bạn gái của bị cáo H*), nên khi bị hại vào ngồi tại phòng khách, bị cáo H đi từ phòng ngủ ra, tay cầm 01 gậy cao su (*màu đen, dài 52cm*) đánh liên tiếp nhiều cái vào đầu, vào người bị hại. Vừa đánh vừa tra khảo về bị hại anh T3 và người tên L5 có quan hệ tình cảm với bị cáo N. Do bị đánh, bị hại đưa tay lên đỡ nên bị đánh trúng tay.

Thấy bị cáo H đánh bị hại; bị cáo T2 lấy gậy cao su từ tay bị cáo H và cầm trên tay phải, bị cáo T2 bắt bị hại ngồi xếp bằng dưới nền nhà, hai tay vòng ra sau lưng, bị cáo T2 ngồi trên bàn trước mặt bị hại và dùng chân đạp mạnh vào ngực bị hại, làm cho bị hại T3 đập lưng vào tường nhà và ngã xuống nền nhà. Bị cáo T2 tiếp tục cầm gậy cao su đánh liên tiếp vào đầu và người bị hại anh T3; sau khi đánh bị hại xong, bị cáo T2 đặt gậy cao su xuống bàn.

Thấy bị cáo H và bị cáo T2 đánh bị hại, bị cáo Q lấy gậy cao su từ trên bàn do bị cáo T2 bỏ xuống, đi đến vị trí bị hại rồi đánh 02 cái trúng vào tay bị hại anh T3.

Sau khi bị đánh, bị hại anh T3 xin được uống nước, bị cáo H nói bị hại anh T3 tự đi xuống bếp lấy nước. Bị hại anh T3 đi từ phòng khách xuống khu vực bếp và ngồi luôn tại khu vực bếp. Bị cáo H, bị cáo T2, bị cáo Q ngồi lại tại phòng khách, đến khoảng 18 giờ bị cáo T2, bị cáo Q ra về, còn bị cáo H, bị cáo N đi vào nằm trong phòng ngủ.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo Nguyễn Vũ V, bị cáo Hầu Phương D đến nhà bị cáo H và vào ngồi tại phòng khách cùng với bị cáo H. Bị cáo H gọi bị hại và sau đó bị hại anh T3 đi từ khu vực bếp lên phòng khách. Bị cáo H nói cho bị cáo V, bị cáo D biết sự việc bị hại anh T3 và người tên Lộc có quan hệ với bị cáo N, sau đó bị cáo H tiếp tục cầm gậy cao su đánh bị hại anh T3. Thấy bị cáo H đánh bị hại, bị cáo V cầm gậy cao su đánh vào chân bị hại anh T3, còn bị cáo D định cầm gậy cao su đánh tiếp thì bị cáo H ngăn cản không cho bị cáo D đánh.

Sau khi bị các bị cáo H, bị cáo V đánh, bị hại anh T3 tiếp tục xin uống nước và sau đó tự đi xuống khu vực bếp, rồi nằm lại tại khu vực bếp.

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Chu Đình Đ đến nhà bị cáo H thì bị cáo V và bị cáo D đi về. Lúc này trong nhà bị cáo H còn lại bị cáo H, bị cáo N, bị cáo Đ, còn bị hại anh T3 đang nằm ở khu vực bếp.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, bị cáo H phát hiện bị hại anh T3 đã chết tại khu vực bếp. Bị cáo H gọi điện thoại cho bị cáo V và nói bị cáo D cùng đến nhà bị cáo H. Khoảng 20 phút sau, bị cáo V và bị cáo D đến, bị cáo H thông báo cho bị cáo N, bị cáo V, bị cáo Đ và bị cáo D biết bị hại anh T3 đã chết và bàn cách giấu xác bị hại. Sau đó, bị cáo H lấy một bao tải (*loại bao đựng trà*) có sẵn trong nhà rồi cùng với bị cáo V, bị cáo D và bị cáo Đ bỏ xác bị hại anh T3 vào trong bao tải. Bị cáo H lấy thêm một áo mưa (*loại áo mưa cánh dơi*) và cùng với bị cáo V, bị cáo D quấn bên ngoài bao tải, bị cáo H lấy một túi màu xanh có khoá kéo, quai xách và bỏ xác bị hại T3 vào trong túi rồi để túi đựng xác bị hại trong nhà.

Khoảng 07 giờ ngày 07-12-2018, bị cáo H điện thoại cho bị cáo Phan Thành N1 và nhờ bị cáo N1 thuê giúp một xe ô tô chở bị cáo H đi thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo N1 điều khiển xe ô tô biển số 49A-167.08 đến sân nhà ông Trần Văn S (*bố của bị cáo H ở liền kề phía sau nhà của bị cáo H và có lối đi thông với nhà bị cáo H*), bị cáo H cùng với bị cáo N1 khiêng túi đựng xác bị hại anh T3 từ trong nhà bị cáo H ra để vào sau cốp xe ô tô, sau đó bị cáo N1 điều khiển xe ô tô chở bị cáo H và bị cáo N đi về hướng Đ - H. Trên đường đi, bị cáo N1 hỏi bị cáo H có gì trong túi thì bị cáo H nói “*xác của người*”. Bị cáo N1 nói với bị cáo H “*xác người thì mang vào vứt trong nghĩa địa*”. Khi đi đến khu vực đèo Daguri thuộc địa phận xã Đ- H, tỉnh Bình Thuận, bị cáo H nói bị cáo N1 dừng xe lại, sau đó bị cáo H và bị cáo N1 khiêng túi đựng xác bị hại anh T3 vứt xuống vực bên cạnh đường. Sau đó bị cáo N1 lái xe chở bị cáo H, bị cáo N về lại thành phố B. Khi đến địa phận xã L, huyện B1, bị cáo H và bị cáo N xuống xe, còn bị cáo N1 điều khiển xe về thành phố B.

Khoảng 10 giờ ngày 07-12-2018, bị cáo H điện thoại cho anh Nguyễn Cao Thiên P và nói anh P đến nhà bị cáo H mang xe mô tô biển số 49V6-1639 (*xe bị hại anh T3 sử dụng đến nhà bị cáo H trước đó*) đi tháo rời các bộ phận của xe. Anh P đã đến lấy xe mang về tiệm của mình rồi tháo rời các bộ phận của xe ra.

Vào ngày 09-12-2018, bị cáo H bị bắt quả tang về hành vi “*tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tang vật thu giữ hai tép nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng. Tại Kết luận giám định số 184/GĐ-PC09 ngày 11-12-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận mẫu tinh thể đựng trong hai gói nilon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3948g ma túy loại Methamphetamine, thuộc trong Danh mục II Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính phủ.

Tại bản Kết luận giám định số 39/2019/KN-TT ngày 25-01-2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Thuận kết luận nguyên nhân chết của tử thi do “*Chấn thương ngực kín, dập phổi phải, phổi trái, xuất huyết, tụ máu trong mô phổi làm phù phổi cấp dẫn tới suy hô hấp cấp, tử vong*”. Tử thi chưa rõ tung tích (*ngghi là anh Nguyễn Đức T3, các bút lục 225, 226, 227*).

Về vật chứng; quá trình điều tra, đã thu giữ: 02 phong bì đã niêm phong số 184/2019; 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 điện thoại di động hiệu Masstel; 02 điện thoại di động hiệu Samsung (bể màn hình); 01 bao bì bên trong màu xanh; 01 bao ni lon bên ngoài màu xanh, có quai xách; 01 sợi dây dù màu trắng sọc đỏ; 01 áo mưa màu vàng xanh; 01 gậy cao su màu đen; 01 đoạn gỗ tròn; 12 dao, kiếm các loại; 01 đôi giày đen, cao cổ.

Đối với một số đồ vật khác nhưng không liên quan đến vụ án, nên đã trả lại cho chủ sở hữu (bút lục 304, 305).

Về bồi thường thiệt hại: Sau khi vụ án xảy ra, gia đình bị hại đã chi phí mai táng và chi phí khác cộng chung số tiền 214.000.000đ. Gia đình bị cáo H đã bồi thường số tiền 70.000.000đ; gia đình bị cáo Q đã bồi thường số tiền 50.000.000đ. Hiện gia đình bị hại yêu cầu các bị cáo tiếp tục phải bồi thường.

Trong vụ án này còn có anh Nguyễn Cao Thiên P có tháo rời các bộ phận của chiếc xe (*VKS cho rằng hành vi hủy hoại*) chiếc xe mô tô biển số 49V6-1639; trong khi đó anh P không biết xe của anh T3, không biết việc bị cáo H cho anh P chiếc xe đó để nhằm mục đích che dấu hành vi phạm tội của của Hiền. Quá trình điều tra, bà Vũ Thị H3 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 49V6-1639 đã nhận bồi thường của gia đình bị cáo H và không yêu cầu xử lý. Do vậy không xem xét hành vi này.

Đối với người tên C1 (*hiện chưa rõ lai lịch*) bán ma túy cho bị cáo H, hiện chưa xác định được đối tượng này nên cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Lâm Đồng tiếp tục xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Ngoài ra quá trình điều tra, các bị cáo Trịnh Thị N, Hầu Phương D, Nguyễn Vũ V, Chu Đình Đ đều khai, sau khi anh T3 đã chết, bị cáo H có gọi một người là T4 tới đến. Tuy nhiên quá trình điều tra, đã tiến hành tổ chức cho các bị cáo

nhận dạng, các bị can đều không nhận ra được người nào là Đào Văn T4. Do đó không có cơ sở để xem xét hành vi của Đào Xuân T4.

Tại bản án hình sự sơ thẩm 31/2019/HS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Thị N, Chu Đình Đ (Đ1), Phan Thành N1 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Đ, bị cáo N, bị cáo N1.

Xử phạt bị cáo Chu Đình Đ (Đ1), 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2018 đến ngày 08/4/2019.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị N 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2018 đến ngày 07/4/2019.

Xử phạt bị cáo Phan Thành N1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2018 đến ngày 10/01/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với 05 bị cáo Trần Quang H, Lê Hoàng Anh T2, Nguyễn Vũ V, Lê Đăng Q, Hầu Phương D, bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/12/2019 và 28/12/2019 các bị cáo Chu Đình Đ, Trịnh Thị N, Phan Thành N1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt và cho hưởng án treo.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

- Về nội dung: Kiểm sát viên phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo thống nhất tội danh mà cấp sơ thẩm đã xử, nêu ra các tình tiết giảm nhẹ hình phạt như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo N1 từng tham gia quân đội, gia đình có công cách mạng. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt và cho hưởng án

treo

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Vào ngày 09/12/2018, bị cáo H bị bắt quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có khối lượng 0,3948g ma túy loại Methamphetamine. Qua quá trình điều tra, còn xác định các bị cáo còn có hành vi đánh chết bị hại Nguyễn Đức T3, sau đó còn bạc bòn phi tang xác bị hại. Trong đó, vai trò của các bị cáo Trịnh Thị N, Phan Thành N1, Chu Đình Đ có hành vi bàn bạc, giúp sức cho Trần Quang H và các bị cáo khác che giấu hành vi phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trịnh Thị N, Phan Thành N1, Chu Đình Đ phạm tội “Che giấu tội phạm” theo điểm b khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Trịnh Thị N, Chu Đình Đ, Phan Thành N1 là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn trong tư pháp được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây khó khăn cho công tác quản lý Nhà nước ở địa phương, trong quá trình điều tra xác minh tội phạm, nên cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Từ đó, mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo án tù là có căn cứ.

Bị cáo Trịnh Thị N, Chu Đình Đ, Phan Thành N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nhưng không có cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ hay tình tiết nào mới để làm cơ sở cho Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo Trịnh Thị N, Chu Đình Đ, Phan Thành N1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo, mỗi bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng

hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trịnh Thị N, Chu Đình Đ, Phan Thành N1. Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số 31/2019/HS-ST ngày 16/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Thị N, Chu Đình Đ (Đ1), Phan Thành N1 phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Đ, bị cáo N, bị cáo N1.

Xử phạt bị cáo Chu Đình Đ (Đ1), 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2018 đến ngày 08/4/2019.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị N 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2018 đến ngày 07/4/2019.

Xử phạt bị cáo Phan Thành N1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2018 đến ngày 10/01/2019.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trịnh Thị N, Chu Đình Đ, Phan Thành N1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- TTG công an tỉnh Lâm Đồng;
- BCTN (3);
- Lưu (10) 21b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười